gōng wén bāo

公文包

noun · briefcase

Example Sentences

Tā měi tiān shàng bān dōu dài zhe yī gè hēi sè de gōng wén bāo
他每天上班都带着一个黑色的公文包。

He carries a black briefcase to work every day.

Gōng wén bāo lǐ zhuāng mǎn le zhòng yào de wén jiàn
公文包里装满了重要的文件。

The briefcase is filled with important documents.

Trace each character, then write the word on your own.

公 公 公 公 公 公 公

文 文 文 文 文 文 文

包 包 包 包 包 包 包 包